

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 9 – 2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Ông Trương Công Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Bảo T, sinh năm 1999 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Thạnh Điền, xã V, thành phố V, tỉnh M.

Bị đơn: Anh Võ Văn V, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Gành Hào, xã H, thành phố V, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Bùi Thị Bảo T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn V kết hôn với nhau vào ngày 03/11/2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố C, tỉnh M, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh V không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Bùi Duy S, sinh ngày 02/8/2021, hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sang, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có.

Về nợ chung: Chị T xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Bị đơn là anh Võ Văn V: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh V biết tham gia tố tụng tại vụ án, nhưng anh đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Văn V đến để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, phiên xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Chị T và anh V tự nguyện kết hôn vào ngày 03/11/2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố C, tỉnh M đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống chị T xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay, không còn tình cảm với nhau, chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh V được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V. Đối với anh V đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của chị T và chấp nhận cho chị T ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Bùi Duy S, sinh ngày 02/8/2021. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sang. Anh V không có ý kiến về yêu cầu này của chị T. Xét hoàn cảnh hiện tại hiện con đang sống cùng với chị T nên để tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cháu, đồng thời cháu S còn quá nhỏ, chỉ mới hơn 12 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh V không trình bày ý kiến về việc chị T yêu cầu mức cấp dưỡng. Xét thấy, cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con với số tiền 1.000.000đồng/tháng theo yêu cầu chị T

là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị T về việc buộc anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, anh V không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của chị T.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu theo quy định pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con, anh V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Bảo T ly hôn với anh Võ Văn V.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Võ Bùi Duy S, sinh ngày 02/8/2021 cho chị Bùi Thị Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Võ Văn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, anh V phải thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Bảo T phải chịu 300.000đồng. Ngày 01/7/2022, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0001657 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Văn V phải chịu 300.000đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, Tp. C, tỉnh M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Nhiêu